BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4093/QĐ-ĐHKT-NN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định công nhận chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu vào, đầu ra tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-ĐHKT-HĐT ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Ngoại ngữ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động đào tạo Ngoại ngữ tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng khoa Ngoại ngữ, các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Phòng Đảm bảo chất lượng - Phát triển chương trình, Phòng Đào tạo thường xuyên, Viện Đào tạo Sau đại học, Phòng Thanh tra - Pháp chế và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, Khoa NN.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

GS.TS. Sử Đình Thành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về công nhận chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu vào, đầu ra tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4093/QĐ-ĐHKT-NN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định công nhận chuẩn đầu vào, đầu ra ngoại ngữ của các chương trình đào tạo các bậc, hệ tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là UEH).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Sinh viên hệ Đại học chính quy (bao gồm chương trình chuẩn và chất lượng cao);
b) Sinh viên hệ Liên thông Đại học chính quy;
c) Sinh viên hệ Văn Bằng 2 Đại học chính quy;
d) Sinh viên hệ Vừa làm vừa học;
e) Học viên các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Điều 2. Căn cứ thực hiện

1. Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm theo thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được áp dụng để làm cơ sở cho việc tổ chức giảng dạy, đánh giá và công nhận trình độ ngoại ngữ trong các chương trình đào tạo tại UEH.

2. Khung trình độ quốc gia theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các Quy chế về Tuyển sinh và Đào tạo của các bậc hệ đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. Chuẩn đầu vào, đầu ra chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh và các chương trình đào tạo khác tại UEH.

Điều 3. Tổ chức công nhận, xác nhận trình độ ngoại ngữ

1. Trường sử dụng các chứng chỉ và văn bằng chứng nhận trình độ ngoại ngữ trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để xác nhận trình độ ngoại ngữ đầu vào, đầu ra và xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm.

2. Các chứng chỉ và văn bằng sau đây được Trường công nhận:

a) Tiếng Anh: TOEIC (Test of English for International Communication), TOEFL IBT (Internet-based-test), IELTS (International English Language Testing System) và VPET (Versant Professional English)/PTE (Pearson Test of English), Cambridge Assessment English (KET, PET, FCE, CAE, CPE).

b) Các Ngoại ngữ khác: Tiếng Pháp: CIEP/Alliance française diplomas; Tiếng Đức: Goethe - Institut/The German TestDaF language certificate; Tiếng Trung Quốc: Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK); Tiếng Nhật: Japanese Language Proficiency Test (JLPT); Tiếng Nga: ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному; Tiếng Hàn: TOPIK3 (한국어능력시험).

c) Chứng chỉ chứng nhận năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của các Trung tâm khảo thí được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

d) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành Ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

e) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên từ chương trình đào tạo được giảng dạy bằng các ngoại ngữ quy định tại Điều 4.

3. Thời hạn giá trị của các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại các khoản a, b, c nêu trên là 2 năm kể từ ngày thi.

4. Trường tổ chức các kỳ thi đánh giá trình độ tiếng Anh theo khung năng lực 6 bậc và sử dụng kết quả bài thi để tuyển sinh, đánh giá trình độ đầu ra, đầu vào theo quy định của UEH.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU VÀO, ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Điều 4. Chuẩn đầu vào trình độ ngoại ngữ

1. Thí sinh trúng tuyển hệ Đại học chính quy, đăng ký Chương trình chất lượng cao dạy bằng tiếng Việt phải đạt điểm trung bình Tiếng Anh lớp 12 hoặc điểm thi tốt nghiệp phổ thông từ 7.0 trở lên; Chương trình chất lượng cao dạy bằng tiếng Anh phải đạt trình độ tiếng Anh Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam thông qua các chứng chỉ ngoại ngữ hoặc phải đạt yêu cầu của kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do Trường tổ chức.

2. Thí sinh đăng ký xét tuyển hệ Văn Bằng 2 Đại học chính quy, Vừa làm vừa học ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành tiếng Anh thương mại phải đạt trình độ tiếng Anh Bậc 3 theo

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam thông qua các chứng chỉ ngoại ngữ (còn giá trị đến thời điểm tuyển sinh) hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên trong vòng 2 năm (tính từ năm tốt nghiệp đến năm tuyển sinh) hoặc phải đạt yêu cầu của kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do Trường tổ chức.

3. Đối với hệ đào tạo trình độ thạc sĩ, học viên xác định năng lực ngoại ngữ đầu vào thông qua các chứng nhận trình độ ngoại ngữ theo quy định của Quy chế về Tuyển sinh và Đào tạo Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc phải đạt yêu cầu của kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do Trường tổ chức.

4. Đối với hệ đào tạo trình độ tiến sĩ, học viên phải có chứng chỉ quốc tế hoặc các chứng chỉ tương đương B2 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt nam do các trường được Bộ công nhận cấp.

5. Các bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh được biên soạn theo đúng các yêu cầu về dạng thức và cấp độ ngôn ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều 5. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

1. Sinh viên tốt nghiệp bậc đại học của Trường phải đạt mức điểm ngoại ngữ tối thiểu theo quy định Chuẩn đầu ra của ngành, chuyên ngành và chương trình tốt nghiệp.

Chuẩn tiếng Anh đầu ra theo chương trình

TT	Chương trình	Mức tối thiểu của Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ				
		Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc	TOEIC	IELTS	TOEFL iBT	VPET
1	Chuẩn	Bậc 3	500	4.5	55	45
2	Chương trình dạy bán phần tiếng Anh	Bậc 4	600	5.5	70	55
3	Chương trình dạy toàn phần tiếng Anh	Bậc 4	650	6.0	80	60

2. Trong từng chương trình, các ngành, chuyên ngành có quy định mức tối thiểu Chuẩn đầu ra ngoại ngữ cụ thể nhưng không được thấp hơn chuẩn của chương trình.

3. Sinh viên hệ đại học chính quy sử dụng chứng chỉ quốc tế theo điều 5 mục 1, bằng 2 ngôn ngữ Anh, bằng tốt nghiệp đại học và cao học ở nước ngoài. Trong trường hợp thiên tai,

dịch bệnh, các trường hợp bất khả kháng thì Hiệu trưởng quyết định Trường sẽ tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu ra thay thế cho các chứng chỉ quốc tế…

3. Sinh viên hệ Liên thông, hệ Văn Bằng 2 và hệ Vừa làm vừa học của các chương trình đào tạo (ngoại trừ ngành Ngôn ngữ Anh) phải đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra tối thiểu bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế tương tương; hoặc đạt Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu ra do Trường tổ chức.

4. Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh phải đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ 2 tối thiểu Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên tham gia và đạt 4 học phần ngoại ngữ 2 do trường tổ chức sẽ được xét đạt chuẩn ngoại ngữ thứ 2.

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ 2 dành cho sinh viên ngành ngôn ngữ Anh

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 3	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK3 (trung cấp 1)

5. Học viên trình độ thạc sĩ phải đạt trình độ ngoại ngữ đầu ra tương đương Bậc 4 trở lên của các ngoại ngữ: tiếng Anh, Pháp, Trung, Hàn, Nhật, Nga theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc các văn bằng và chứng chỉ tương đương khác theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 về Tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ và phải cùng một ngoại ngữ đầu vào.

6. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của Trường có thể được thay đổi phù hợp tình hình và điều kiện thực tế dạy, học hoặc đáp ứng yêu cầu cao hơn về ngoại ngữ của chương trình đào tạo cũng như nhu cầu của xã hội và thị trường lao động.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2021 đối với các chương trình đào tạo do Phòng Đào tạo quản lý và áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ tháng 6 năm 2022 đối với các chương trình đào tạo do Phòng Đào tạo thường xuyên quản lý. Các khóa tuyển sinh trước năm 2021 đối với các chương trình đào tạo do Phòng

Đào tạo quản lý và trước tháng 6 năm 2022 đối với các chương trình đào tạo do Phòng Đào tạo thường xuyên quản lý áp dụng các quy định tương ứng với các khóa đào tạo và được áp dụng các nội dung của quy định này theo hướng thuận lợi cho người học.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gửi ý kiến về Khoa Ngoại ngữ để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

GS.TS. Sử Đình Thành

PHỤ LỤC

1. KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC CỦA VIỆT NAM

1.1 Mức độ tương thích giữa Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và Khung tham chiếu chung Châu Âu

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam được quy định tại thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày ngày 24 tháng 01 năm 2014, được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng dụng CEFR và một số khung trình độ tiếng Anh của các nước, kết hợp với tình hình và điều kiện thực tế dạy, học và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam. KNLNNVN được chia làm 3 cấp (Sơ cấp, Trung cấp và Cao cấp) và 6 bậc (từ Bậc 1 đến Bậc 6 và tương thích với các bậc từ A1 đến C2 trong CEFR). Cụ thể như sau:

KNLNNVN		CEFR
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

1.2 Nội dung Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

	Các bậc	Mô tả tổng quát
Sơ cấp	**Bậc 1**	Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.
	Bậc 2	Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

Trung cấp	**Bậc 3**	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.
	Bậc 4	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
Cao cấp	**Bậc 5**	Có thể hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng. Có thể diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết.
	Bậc 6	Có thể hiểu một cách dễ dàng hầu hết văn nói và viết. Có thể tóm tắt các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại thông tin và trình bày lại một cách logic. Có thể diễn đạt tức thì, rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được các ý nghĩa tinh tế khác nhau trong các tình huống phức tạp.

2. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2